

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CCTB VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CCTB VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301221398

**3. Ngày thành lập:** 30/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 35B, Công viên Tam Lư, Khu Phố Tam Lư, Phường Đồng Nguyên, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0967330551

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí           | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                  | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                  | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                             | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) | 4610     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                              | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                             | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                              | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                 | 4659     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                             | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                         | 4663     |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                               | 4669     |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu         | 8299     |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ                                                          | 7710     |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                               | 4690     |
| 16. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                  | 1610     |
| 17. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                        | 2410     |
| 18. | Đúc sắt, thép                                                                   | 2431     |
| 19. | Đúc kim loại màu                                                                | 2432     |
| 20. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                  | 2511     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                        | 2591        |
| 22. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592        |
| 23. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                             | 2599(Chính) |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 25. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                               | 7729        |
| 26. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730        |
| 27. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                    | 3290        |
| 28. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312        |
| 29. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320        |
| 30. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 31. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 32. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 33. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 34. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223        |
| 35. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 36. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293        |
| 37. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 38. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 39. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 40. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 41. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 42. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751        |
| 43. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 44. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 45. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: THÂN THỊ LAN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 18/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024191002452

Ngày cấp: 24/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Quyết Tiến, Xã Tiền Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Quyết Tiến, Xã Tiền Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: THÂN THỊ LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024191002452

Ngày cấp: 24/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Quyết Tiến, Xã Tiền Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Quyết Tiến, Xã Tiền Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh